

## Chương XVI

### ƯU THẾ VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Nước Việt Nam đã gia nhập ASEAN. Nhìn về kinh tế, ưu thế chưa phải về phía Việt Nam. Điều đó có thể khiến một số người băn khoăn. Những công ty các nước ASEAN có mặt ở Việt Nam thì nhiều, nhưng tôi không biết có công ty Việt Nam nào có mặt làm ăn phát đạt ở ASEAN không. Tôi không phải nhà kinh tế học, dĩ nhiên không dám bàn về lĩnh vực này. Nhưng kinh nghiệm cho thấy người Việt Nam rất thông minh tài giỏi về kinh tế. Vào thế kỉ XVII-XVIII đã có một thương nghiệp Việt Nam cạnh tranh được với những người buôn bán giỏi nhất Đông Nam Á là người Trung Hoa. Tôi thấy người Trung Hoa trong quá khứ gần như chiếm độc quyền buôn bán ở ĐNA, chỉ riêng ở Việt Nam, họ phải chấp nhận một đối thủ chẳng hề kém họ là các phụ nữ miền Bắc. Đó là chuyện ngày xưa, dưới thời quân chủ với chính sách ức thương. Như vậy là bản lĩnh buôn bán của Việt Nam chắc chắn không kém cùi dân các nước ĐNA. Cái bản lĩnh ấy

được phát huy trong hoàn cảnh mới, cho phép ta tin vào tương lai của một ngoại thương Việt Nam.

Tôi xin nói về một điểm khác, thuộc phạm vi nghiên cứu của tôi: Văn hóa Việt Nam trong cơ chế thị trường ĐNA. Tôi muốn nói đến việc kinh doanh văn hóa, tức là cách Việt Nam bán các văn hóa phẩm của mình ra các nước ASEAN. Điều này là rất quan trọng trong giai đoạn hiện tại, bởi vì nhu cầu văn hóa ngày càng lớn, văn hóa ngày nay là văn hóa của những bản sao bán hàng triệu bản, nhu cầu văn hóa sẽ lớn hơn nhu cầu vật chất. Trong một ĐNA giàu có, ăn ngon mặc đẹp, nhà cửa khang trang, tất yếu người ta đòi hỏi những đồ vật thỏa mãn tâm thức mình. Tình hình này tuy trong thực tế chưa đáng kể, nhưng cần phải tính trước. Nếu đợi cho thực tế đòi hỏi sẽ bị động. Người ta mua một món hàng là vì người ta cần đến nó, nó đáp ứng một nhu cầu có thực. Nếu không có nhu cầu thì việc mua chẳng qua vì thấy lạ mà mua. Một khi tình hình là thế, không hy vọng gì tạo nên được một ngành kinh doanh. Nhu cầu thay đổi và luôn luôn có những nhu cầu mới. Hiện nay đâu đâu cũng có ti vi. Nhu cầu ti vi là rất mới. Nó xuất hiện ở miền Bắc chỉ trong vòng ba chục năm thôi, nhưng hiện nay đã thành một nhu cầu thực sự. Người ta chưa có nhu cầu thì mình phải giới thiệu nhu cầu. Công việc này ngày nay đã có một ngành kinh doanh rất quan trọng lo liệu. Đó là ngành quảng cáo. Số tiền dành cho quảng cáo ở phương Tây rất lớn, có khi lên đến một phần ba tiền sản xuất.

Những vật thỏa mãn nhu cầu mà ta gọi là hàng hóa thay đổi từng ngày một. Nhưng cái tạo nên nhu cầu không thay đổi. Nhu cầu ăn dẫn tới sự ra đời vô số thức ăn. Nhu cầu ở dẫn tới sự xuất hiện vô số kiểu nhà, cách ở. Muốn hàng mình bán chạy, phải thấy nhu cầu và hiểu trong tình hình hiện tại cách đáp ứng nhu cầu phải thực hiện như thế nào mới tạo ra được những sản phẩm của riêng mình mà lại phù hợp với tâm thức người mua. Không hiểu tâm thức người mua không cách nào bán được những sản phẩm văn hóa.

Mình muốn bán văn hóa phẩm Việt Nam tại thị trường ĐNA thì phải tìm cho kì được cái nhu cầu của ĐNA về sản phẩm văn hóa. Nếu họ chưa có nhu cầu thì mình phải giới thiệu làm cho người ta quen với nhu cầu, chấp nhận nó, ham thích nó. Đến lúc đó hàng mình bán chạy.

Nếu ta xét các hàng văn hóa ở Việt Nam thì hình như không thấy hàng văn hóa của ĐNA. Ngược lại cũng không thấy hàng văn hóa Việt Nam ở thị trường ĐNA. Trái lại hàng văn hóa phương Tây làm chủ cả thị trường: về âm nhạc, hội họa, điêu khắc, cho đến các hàng dựa trên khoa học kĩ thuật cũng chủ yếu là của Nhật Bản hay phương Tây.

Việt Nam đã tiếp xúc và học tập được hai nền văn hóa có uy tín nhất thế giới là văn hóa Trung Hoa đối với phương Đông và văn hóa Pháp đối với phương Tây. Nó là anh học trò cự phách của hai nền văn hóa này. Kết quả, người Việt Nam có một khiếu thẩm mỹ rất nhạy bén. Anh ta lại yêu nước,

say mê văn hóa. Tôi sung sướng khi thấy những hiệu ăn Việt Nam có mặt tại những trung tâm lớn của thế giới, các hàng may Tây phương cần đến bàn tay vàng của những người thợ may Việt Nam. Từng nền văn hóa một có sở trường riêng và cũng có chỗ yêu. Về triết học chẳng nước nào sánh nổi với Đức. Tư tưởng thế giới hôm nay cũng như hai thế kỉ nay là xuất phát từ Đức. Nhưng trong các thành phố lớn thế giới rất hiếm hiệu ăn Đức, Đức có bia, xúc xích nhưng có ít thức ăn thỏa mãn khẩu vị thế giới. Trái lại, đâu đâu cũng có hiệu ăn Pháp, Trung Hoa và các hiệu ăn Việt Nam đã có mặt như một đối thủ quốc tế. Có một thời đồ thủ công Việt Nam sống ngắc ngoài, nhưng giờ đây đã gượng dậy được và đang bắt đầu phát huy tiềm năng to lớn của mình. Hội họa sơn mài Việt Nam đã là đóng góp mới của Việt Nam vào hội họa thế giới. Nhạc Việt Nam đã được trình diễn ở nhiều nước. Một số phim Việt Nam đã được thế giới chú ý. Một số tác phẩm văn học đã được dịch tốt và được giới thiệu rộng rãi. Đó là những bước đầu đầy hứa hẹn của một Việt Nam sau chiến tranh. Dù có những ý kiến chưa nhất trí về điểm này, điểm nọ, nhưng nhìn chung phải thừa nhận đây chính là hiện tượng mới, có lợi cho đất nước.

Tôi muốn nói đến bề dày văn hóa của người Việt Nam. Tôi đọc sách thuốc Trung Hoa thấy người Trung Hoa nói người Việt Nam nằm trên thuốc mà chết vì bệnh. Nhiều vị thuốc Bắc là lấy ở Việt Nam, nhưng tài chế biến của Trung Hoa khiến nó thành thuốc, bán cho cả phương Đông và cho người Việt

Nam. Có một bè dày văn hóa chưa đủ. Phải khai thác cái bè dày văn hóa ấy để làm đất nước giàu có. Cần có những thế hệ trí thức rời bỏ con đường làm quan lao vào văn hóa, kỹ thuật, sống chết cho nó để đổi mới đất nước. Nếu người Nhật Bản biết học suốt đời vì quyền lợi của Tổ quốc, thì người trí thức Việt Nam cũng phải đi con đường ấy, dù khó khăn gian khổ đến mấy cũng vậy. Bệnh công chức là rất nặng. Việt kiều ở nước ngoài, nhất là ở phương Tây làm công chức nhiều hơn là làm kinh doanh. Trái lại Hoa kiều kinh doanh nhiều hơn làm công chức.

Tôi chỉ nói những chuyện hiển nhiên. Trong mọi cuộc chiến tranh đều có hàng triệu người chết đói. Khi Đảng chủ trương rời bỏ thành thị. Khi vùng đồng bằng rộng lớn tạm thời bị giặc chiếm, hàng triệu người rời khỏi nơi sinh sống, lên Việt Bắc, vào những vung tự do. Không ai chết đói cả. Họ thích nghi ngay với núi rừng, với sinh hoạt mới trong sự giúp đỡ đùm bọc của đồng bào. Họ sống đường hoàng, vui vẻ, tiếp tục chiến đấu. Với một dân tộc trình độ thích nghi kém hay chậm, không thể có hiện tượng này. Chỉ ở Việt Nam mới có khẩu hiệu "Tiếng hát át tiếng bom". Chỉ ở Việt Nam mới ra đời văn học cách mạng ngay trong cách mạng. Chỉ ở Việt Nam mới ra đời vô số cách đánh giặc, cách chuyên chở, cách làm cầu, cách ngụy trang chứng tỏ một trí thông minh tuyệt vời. Cho nên tôi không tin một dân tộc như vậy lại chịu nghèo đói khi con đường mở cửa với thế giới đã mở ra.

Con người khác nhau rất xa về học vấn, trí tuệ, nhưng thời gian sống dành cho mọi người không hơn nhau bao nhiêu. Nếu một người chịu khó học suốt đời thì trong trăm ngàn cái sai cũng có cái chấp nhận được, dù cho lời nói của anh ta khó nghe. Tôi thấy cần phải xét văn hóa một cách khác. Không phải một nước giàu thì văn hóa cao. Nước Kuwait, nước Brunei rất giàu, nhưng văn hóa không cao, không có ảnh hưởng hướng ra ngoài. Văn hóa cũng không thể là vật có thể chế tạo ra được bằng nghị quyết, sắc lệnh. Nó đòi hỏi thời gian rất dài. Nếu như thế giới thừa nhận ở châu Á có năm nền văn hóa lớn có bản sắc độc đáo là Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam thì cả năm nền văn hóa ấy đâu phải ra đời một sớm một chiều, mà phải có hàng ngàn năm hun đúc. Mà những con người tạo ra các nền văn hóa này đâu phải đều sung sướng, cưỡi đầu cưỡi cổ người ta? Nhìn chung, trong quá khứ, họ đều nhận những thiệt thòi. Tác phẩm của họ giống như những viên ngọc trai. Người ngoài chỉ thấy nó sáng, lấp lánh, ca ngợi cái đẹp, nhưng nào có biết lúc đầu nó là một viên sạn bình thường nhập vào cơ thể con trai. Chính máu con trai qua bao năm trời phủ lên mới đem lại cái đẹp ta thấy hôm nay. Đó là chuyện ngày xưa. Nhưng ngày nay dù cho các nghệ sĩ có được sung sướng, thì nghệ sĩ cũng phải sống cho những người bị thiệt thòi, để giúp cho những người lãnh đạo có thiện chí cải thiện cách đối xử, đặng làm cho chế độ càng ổn định, càng được dân tin yêu hơn, chứ không phải

là để giành lấy một quyền lực nào đó. Chế độ nào tốt đẹp đến đâu cũng có những kẻ mượn cớ này cớ nọ để vi phạm, mưu lợi ích riêng. Chế độ nào cũng cần người trung thần bởi vì không có chế độ nào thoát khỏi nạn quan liêu.

Nghiên cứu văn hóa Việt Nam trong quan hệ với thế giới, tôi thấy một điều lạ. Chỉ trong khoảnh khắc không đầy mười năm Việt Nam đã đổi mới được ngôn ngữ, văn học, thơ, nhạc, hội họa, chuyển từ một mô hình còn mang nhiều ảnh hưởng của Nho giáo, và hình thức Trung Hoa sang một mô hình mới, hiện đại và Việt Nam. Tôi chưa thấy sự đổi mới nhanh đến như vậy ở bất kỳ đâu trong lịch sử loài người. Cho đến giờ tôi vẫn băn khoăn về điểm tại sao lời nhạc của Văn Cao, Đặng Thế Phong - tôi chỉ nhắc hai người đã mất để khỏi mang tiếng xu nịnh - có thể hay như thế, trau chuốt đến thế và có âm hưởng Việt Nam đến thế khi trước đó không lâu các bài nhạc dân ca lời lẽ bình thường và các loại nhạc dựa theo nhạc Pháp khá sống sượng chẳng có chút thi vị nào? Riêng về mặt ngôn ngữ, lời của nhạc Văn Cao chính là bản sắc nền thơ của tiếng Việt chuyển hóa thành lời ca. Trên thế giới cũng hiếm thấy những lời nhạc hay đến như thế. Với tư cách một người chuyên về ngôn ngữ học, tôi thấy chưa ở đâu lời trong nhạc lại công phu, sâu sắc và hay như trong nhạc Việt Nam từ 1939 đến 1980. Tại sao không thấy một trào lưu đổi mới thi ca thành công như thơ mới ở châu Á, trong khi có những nền văn hóa cao hơn rất nhiều như Ấn Độ,

Trung Hoa? Vào khoảng 1950 tôi có chơi thân với Văn Cao, Thé Lữ, Tô Ngọc Vân và hỏi các vị đàn anh dựa vào đâu các vị đã sáng tác được những tác phẩm thành công đến như vậy. Các anh ấy cũng không tìm được cho tôi câu trả lời làm thỏa mãn trí tò mò của một anh chàng duy lý như tôi.

Sau này, trong hoàn cảnh đất nước đổi mới, tôi có dịp đi thăm một vài nước ĐNA. Điều tôi nhận thấy, dù trong văn học hay trong nghệ thuật ở các nước này, đó là ở ĐNA vẫn chưa thực hiện được một sự dân tộc hóa thành công đối với văn học phương Tây như ở Việt Nam. Có hai văn hóa ở cạnh nhau, một cái bản địa, một cái Tây phương. Trái lại, khi tôi nghe một bản nhạc của anh Văn hay đọc một bài thơ hiện đại, xem một bức tranh của Bùi Xuân Phái thì một người kém văn hóa như tôi cũng có thể biết ngay nó rất Tây mà lại rất Việt Nam. Đặc biệt trong truyện ngắn điều này càng rõ. Trong văn hóa Kháng chiến cũng thế, có sự đổi mới trong hình thức và nội dung nhưng lại rất Việt Nam. Tôi không cảm thấy có cái gì làm tôi khó chịu... Điều chắc chắn đó là xem một tác phẩm thơ, văn, họa, nhạc Việt Nam, người ta thấy ngay nó Việt Nam, nhưng nói nó Việt Nam ở chỗ nào thì rất khó. Có một sự dung hợp thành công mà những người nghiên cứu văn hóa Việt Nam có quyền tự hào, bởi vì trong cuộc tiếp xúc với văn hóa hiện đại hay văn hóa xã hội chủ nghĩa, nhiều nước phương Đông không thực hiện được chu đáo như Việt Nam.

Tôi đã đọc nhiều công trình coi thường sự đóng góp của giai đoạn 1933-1941. Tôi rất tiếc là các nhà phê bình không đổi lập tình hình ở Việt Nam với tình hình ở các nước thuộc địa. Cho đi rằng các nhà văn hóa nêu lên cái đau xót của mình, thiếu ý chí chiến đấu, nhưng điều đau xót này là có thực trong tâm hồn thế hệ chúng tôi, và có thực trong tâm hồn các dân tộc thuộc địa. Cho đi rằng có sự bắt chước phương Tây trong các cách diễn đạt. Nhưng đây là tình hình chung của cả thế giới. Cái đáng chú ý là không một nhà văn, nhà thơ, nhà nhạc sĩ, nghệ sĩ nào ca ngợi kẻ xâm lược, tự hào về cảnh đất nước bị nô dịch. Cái quan trọng là một hình thức mới dân tộc của văn hóa ra đời và rất Việt Nam. Khi một hình thức dân tộc đã ra đời thì tất yếu có nội dung dân tộc trong hình thức ấy, dù nội dung có bị lệch lạc. Cái chính là thế hệ mới đã vượt gộp được thế hệ cũ một cách thành công, trọn vẹn. Cái chính là văn hóa sau đó đi con đường dân tộc không phải mò mẫm nữa, nền văn hóa cách mạng sẽ tiến xa hơn, nhưng hướng đi đã vạch được.

Khi nói thế, tôi không có định coi nhẹ văn hóa DNA. Xét về mặt kiến trúc,

Việt Nam không thể so sánh với DNA với những quần thể kiến trúc bậc nhất thế giới. Về điêu khắc cổ cũng vậy. Về vũ, các điệu vũ DNA được chú ý hơn và được quy phạm hóa chặt chẽ hơn. Nhưng đây là những kết quả có được qua một thời gian tiếp xúc văn hóa hàng thế kỷ chủ yếu với Ấn Độ.

Tôi có đến thăm Cămpuchia vào năm 1983. Tôi rất thích kiến trúc Cămpuchia hiện đại trong sự kết hợp với kiến trúc Pháp có thể nói giỏi hơn kiến trúc Việt Nam cho đến 1983. Nhưng về mặt một văn hóa liên quan tới ngôn ngữ thì ưu thế là thuộc Việt Nam. Theo tôi, ưu thế của văn hóa Việt Nam khiến nó đổi mới được văn hóa mình trong tiếp xúc với phương Tây cũng như trong tiếp xúc với văn hóa xã hội, chủ nghĩa chính là vì nó có sẵn một bề dày to lớn trên một ngàn năm. Bề dày văn hóa này không phải tự nhiên mà có. Nếu như lịch sử các nước ĐNA đầy rẫy những cuộc chiến tranh giữa các tộc người, những sự chia rẽ, những sự nổi lên rồi sụp đổ của hết trung tâm này đến trung tâm khác thì lịch sử Việt Nam tiêu biểu bởi sự phát triển của người Kinh suốt trường kỳ lịch sử trong sự đoàn kết với các tộc người khác cùng sống trên đất Việt Nam. Ai còn ngờ vực điểm này cứ việc nhìn vào ba mươi năm kháng chiến là thấy ngay. Nếu xét như vậy, chỉ có một Văn Cao, một Tô Ngọc Vân trước và sau cách mạng cũng như chỉ có một văn hóa nghệ thuật thống nhất trước và sau cách mạng. Và văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hội tụ này với ĐNA phải hội tụ với toàn bộ về bề dày văn hóa của mình. Nếu đưa ngay văn hóa xã hội, chủ nghĩa vào ĐNA chưa chắc đã thích hợp bằng giới thiệu văn hóa trước chủ nghĩa xã hội. Bởi vì ĐNA chưa có kinh nghiệm tiếp xúc với chủ nghĩa xã hội mà chỉ có kinh nghiệm tiếp xúc với chủ nghĩa tư bản.

Tôi băn khoăn tại sao ĐNA không thực hiện được bước ngoặt quan trọng này. Phải chăng vì văn hóa phương Tây tuy thoát thai từ Thiên Chúa giáo, nhưng đã từ bỏ Thiên Chúa giáo để chỉ quan tâm tới cuộc sống hiện tại là rất gần những nền văn hóa lấy cuộc sống trần thế làm mục đích như ở Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, cho nên ở các nước này có những trào lưu đổi mới văn hóa thành công? Trái lại các nước ĐNA có một truyền thống văn hóa gắn với Phật giáo hay Hồi giáo cho nên trong các nhà nghệ sĩ có sự băn khoăn giữa hai con đường, con đường Tây phương và con đường truyền thống mà chưa sáng tạo được con đường dân tộc đồng thời hiện đại theo đúng yêu cầu của một văn hóa trần thế, hiện đại nhưng rất dân tộc?

Kinh nghiệm của văn hóa Việt Nam trong việc xây dựng văn hóa dân tộc sẽ rất có ích cho các nước ĐNA. Con người khi bị nô dịch, khi thiếu ăn, thiếu mặc thì lo trước tiên đến độc lập, miếng cơm, manh áo đã. Nhưng khi đã độc lập, cơm no, áo ấm thì chắc chắn phải lo xây dựng văn hóa của tâm hồn mình. Có hai con đường đặt ra trong hoàn cảnh này. Một là Tây phương hóa, hai là xây dựng một văn hóa dân tộc có tính chất Tây phương. Ta hãy xét từng con đường một.

Các nước ĐNA, không kể Mianma và ba nước Đông Dương đã đi theo con đường Tây phương hóa. Kết quả thế nào? Trước hết vô số công cụ văn hóa của thế giới hiện đại được mua về. Rồi một tầng lớp trí thức am hiểu ngôn ngữ, văn hóa phương Tây

hình thành. Họ đã có công rất lớn trong việc đổi mới kinh tế, hiện đại hóa nó đến mức một DNA mới ra đời và sẽ là đối thủ quan trọng bậc nhất của châu Âu và Mỹ về kinh tế trong thế kỷ sắp đến.

Nhưng con người có một đời sống tinh thần và tình cảm riêng mà những thành tựu về kinh tế dù có to lớn đến đâu cũng không bù đắp được. Anh ta có một quá khứ mà anh ta không tài nào quên được. Cái văn hóa phương Tây mà anh ta tiếp thu qua các phương tiện nghe nhìn là trái ngược với những tình cảm sẵn có trong lòng anh ta. Ra đời, con người đã bị chế định (conditioné) về mặt thường thức văn hóa rồi. Nếu như người Việt Nam sinh ra đã mắt đen, tóc đen, da vàng, thì cũng có một thứ gien văn hóa riêng. Anh ta chỉ có thể yên tâm khi tiếp nhận một văn hóa hiện đại nhưng đã được dân tộc hóa thành công, cũng hệt như các cô gái Việt Nam yên tâm khi mặc chiếc áo dài hiện nay, sản phẩm của một sự kết hợp thành công y phục dân tộc với y phục phương Tây.

Đã thế, sự tiếp thu văn hóa là tiếp thu đồng thời. Nhưng văn hóa phương Tây hiện nay lại không phải như trước đây chứa đựng những tư tưởng nhân văn lớn của thời cách mạng tư sản, của các trào lưu ít nhiều có tính chất xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng những con người muôn sống đẹp hơn thân phận của mình. Văn hóa phương Tây trước mắt là *văn hóa của hoang mang* tính thât vọng. Những mơ ước nó đã xây dựng lên dựa trên khoa học đã dẫn tới xu hướng bạo lực, sự cô đơn, sự tìm kiếm xác thịt và thú vui, và sự phổ biến của ma túy, tội ác. Văn hóa ấy rất xa lạ với tâm thức những người

ĐNA quen với một cuộc sống gắn bó với cộng đồng, với sự vượt gộp cá nhân để lo cho những người khác. Nền văn minh tiêu thụ phương Tây không làm ĐNA phục về sự cao thượng của nhân cách. Theo tôi, tình trạng suy thoái về nhân cách trong văn hóa phương Tây sẽ được khắc phục bởi chính văn hóa phương Tây, là nơi xuất phát của thứ văn hóa dựa trên bạo lực, cô đơn và xác thịt. Nhưng văn hóa ĐNA nhiễm cái ma túy này của văn hóa phương Tây sẽ khó lòng chống lại, vì đây là những vật thể xa lạ không có trong cơ thể của nó. Câu hỏi là: nó sẽ dựa vào văn hóa nào, cũng của ĐNA để chống lại, dựa vào kinh nghiệm văn hóa nào để xây dựng bản sắc văn hóa của mình?

Trong lịch sử văn hóa ĐNA, chuyện này đã xảy ra. Một người khách du lịch đi vào hiệu sách ĐNA sẽ ngạc nhiên. Người ĐNA không say mê văn học của mình như người Việt Nam. Thơ, văn của từng nước ít được chú ý. Người ta chú ý nhiều nhất đến các sách khoa học kỹ thuật, lịch sử, kinh tế nước ngoài. Các sách tranh chủ yếu của Nhật, các sách trinh thám cũng được ưa chuộng. Đặc biệt các tiểu thuyết Trung Hoa dù hàng chục tập vẫn bán rất chạy. Sự say mê này, tôi sợ còn hơn Việt Nam mê tiểu thuyết Tàu.

Tôi muốn nhắc riêng đến hiện tượng này vì cho đến nay người ta chỉ nói đến sự tiếp xúc văn hóa của ĐNA với văn hóa Ấn Độ, Hồi giáo, văn hóa phương Tây theo những con đường tôn giáo, bạo lực hay khoa học kỹ thuật mà ít chú ý đến một sự tiếp xúc rất sâu rộng, rất phổ biến, đồng thời lại chính

là con đường qua đó văn hóa Việt Nam sẽ nhập vào ĐNA. Tôi muôn nói đến con đường của tiểu thuyết Trung Hoa. Những điều nói ở đây là lấy ở công trình "*Literary Migration*" (Những chuyến đi văn học) do bà Claudine Saimon chủ biên (International Culture Publ H, Beijing China, 1987) có nhan đề phụ là "Tiểu thuyết truyền thống Trung Hoa ở châu Á (thế kỷ XVII-XX). Theo tôi, chính con đường tiểu thuyết Trung Hoa vào ĐNA cũng sẽ là con đường văn hóa Việt Nam và ĐNA. Muốn nhập vào một đất nước xa lạ phải có cầu. Đi theo cái cầu đã bắc sẵn và vững chắc thì đỡ tốn công sức, tiền của. Con đường tiểu thuyết Trung Hoa là rất tiện vì tiểu thuyết Trung Hoa và tiểu thuyết Việt Nam về căn bản là gần nhau với một nội dung mang tính lịch sử, chuyện lấy ở cuộc đời thực tế, thu hút người đọc chính ở nghệ thuật trình bày các sự kiện hơn ở những suy tư mang tính triết học hay tôn giáo kiểu phương Tây.

Các tiểu thuyết này lúc đầu vào ĐNA qua người Hoa di cư rất đông đảo ở đây. Sau đó số người Hoa bắt đầu dịch nó sang tiếng bản địa (Thái Lan, Mianma, Java, Mã Lai... ) để bán. Rồi nhiều trí thức bản địa phần lớn gốc Hoa có sẵn hiểu biết song ngữ chu đáo lại dịch thêm và phổ biến từ thế kỷ XVII đến nay. Để cho tiện, tôi chỉ dẫn những tiểu thuyết quen thuộc với Việt Nam. Cả ĐNA đọc "*Tam quốc chí diễn nghĩa*", "*Tây du ký*". Theo những bài nghiên cứu của các học giả cộng tác thì ở Căm-puchia đã dịch "*Tống Dịch Thanh*", "*Tây Hán Chí*", "*Chiêu Quân công Hồ*", Các truyện "*Lương Sơn Bá*,

*Chúc Anh Đài*", "*La Thông tảo bắc*", "*Ngũ Hổ bình Nam*", "*Tiết Nhân Quý chinh Đông*", "*Dương gia tướng*"... rất quen thuộc. Các truyện "*Kim cô kỵ quan*", "*Phản Đường diễn nghĩa*", "*Thủy hử*"... ở Singapore ai cũng đọc. Riêng danh sách sơ bộ các tiểu thuyết dịch ra tiếng Makassar là 64 quyển võ hiệp, chưởng, tài tử giai nhân. Những tiểu thuyết này làm cơ sở cho sự du nhập tuồng Trung Hoa, và ở DNA lục địa khắp nơi có đền thờ Quan Vũ.

Các tiểu thuyết này góp phần tạo nên tính cách nền văn học bản địa, cũng như "*Truyện Kiều*", "*Hoa tiên*" là xuất phát từ "*Kim Vân Kiều truyện*", "*Hoa tiên ký*". Nó đã chuyển hóa các nền văn học sùng bái các trường ca Ấn Độ mang tính chất hoang đường sang những xu hướng văn học bám lấy thực tế, thường là thực tế lịch sử, rồi thực tế trong cuộc sống. Cho nên người DNA khi tiếp thu văn học Việt Nam sẽ không phải bước vào một nơi xa lạ.

DNA và Việt Nam giống nhau về khí hậu, đất đai, cây cối, súc vật. Cùng xuất phát từ một môi trường văn hóa chung trong lịch sử, cùng trải qua những giai đoạn bị Trung Quốc và phương Tây xâm lược, nô dịch, hoặc đe dọa đến nền độc lập, đều có một tâm thức xem quyền lợi chung quan trọng hơn quyền lợi cá nhân, đều tha thiết với truyền thống và đều lo ngại trước một văn hóa của hoang mang và cô đơn, của xác thịt và đồng tiền, của bạo lực và tội ác, một văn hóa tách con người ra khỏi quá khứ, khỏi đất nước, khỏi nghĩa vụ đối với người khác mà các phương tiện nghe nhìn đem lại.

Trong hoàn cảnh ấy, tất nhiên, để khẳng định mình trong một thế giới mới, trong đó sức mạnh của súng đạn tuy vẫn có, nhưng ẩn nấp sau văn hóa tiêu thụ, cần phải có một tinh thần đoàn kết chung, không phải trên cơ sở quân sự mà trên cơ sở văn hóa. Ai có cơ sở này mạnh nhất, ai có văn hóa hiện đại nhưng hợp với dân tộc nhất sẽ có khả năng được tiếp nhận. Chính vào lúc này các nước ĐNA đều phải quan tâm đến bề dày văn hóa của mình. Nếu tôi bảo Việt Nam có ưu thế hơn, có bề dày văn hóa lâu đời hơn, và có khả năng giới thiệu kinh nghiệm dân tộc hoá văn hóa phương Tây hơn, tôi thiệt nghĩ không phải là bạo miệng.

Tôi chỉ giới thiệu cách nhìn. Còn là thế nào để cho chính các nước ĐNA chấp nhận được văn hóa Việt Nam lại là chuyện khác. Đây là chuyện thao tác. Xem kinh nghiệm các công ty nước ngoài đến Việt Nam ta thấy cách làm. Trước hết là những người am hiểu ngành mình đến Việt Nam tìm hiểu điều tra. Sau đó tổ chức những buổi thảo luận về biện pháp. Rồi mới làm thí nghiệm lần này lượt khác. Có một sự kết hợp chặt chẽ giữa văn hóa khoa học, và kinh doanh trong đó quan trọng nhất là hiểu nhu cầu bản địa và khả năng mình trong việc đáp ứng nhu cầu này, cũng như phát hiện những thay đổi cần làm trong các hàng của mình để nắm bắt và làm chủ thị trường. Tất cả những điều ấy đều cần được lãnh đạo để tránh lãng phí thời gian, tiền của.

## MỤC LỤC

### LỜI NÓI ĐẦU

7

### Phần thứ I. NHỮNG KHÁI NIỆM MỞ ĐẦU

Chương I.	Văn hóa và bản sắc văn hóa	15
Chương II.	Bản sắc văn hóa Việt Nam, cách tiếp cận	34
Chương III.	Sự khác nhau giữa văn hóa Trung Quốc và văn hóa Việt Nam	107
Chương IV.	Bề dày văn hóa của người Việt Nam	128

### Phần thứ II. GIAO LUU VĂN HÓA

Chương V.	Bản sắc văn hóa Việt Nam trong giao lưu văn hóa, nền tảng của giao lưu quốc tế	136
Chương VI.	Khổng học, quan hệ của nó với thời đại mới	146
Chương VII.	Đạo Nho Việt Nam một sự khúc xạ	201

Chương VIII.	Chế độ học tập ngày xưa	237
Chương IX.	Trí thức Việt Nam xưa với văn hóa	266
Chương X.	Sơ lược về đạo giáo Trung Hoa	314
Chương XI.	Tín ngưỡng Việt Nam qua tiếp xúc với đạo giáo Trung Hoa	326
Chương XII.	Truyền thống quân sự Việt Nam nền tảng của mọi thắng lợi quân sự	385
Chương XIII.	Tư tưởng Hồ Chí Minh, đỉnh cao của văn hóa Việt Nam	416
Chương XIV.	Tiếp xúc văn hóa Việt - Pháp	454

**Phần thứ III.**  
**BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA**

Chương XV.	Cách phát huy văn hóa trong cuộc tiếp xúc văn hóa hiện nay	502
Chương XVI.	Ưu thế văn hóa Việt Nam trong giai đoạn kinh tế thị trường	532

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC**  
**18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội**  
Điện thoại: 8.294 684 - 8.294 685  
Fax: 04 8 294 781

---

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**NGUYỄN VĂN LƯU**

Chịu trách nhiệm bản thảo  
**NGUYỄN CỪ**

Biên tập: **BAN LÝ LUẬN VĂN HỌC**

Vẽ bìa: **TRẦN MẠNH TƯỜNG**

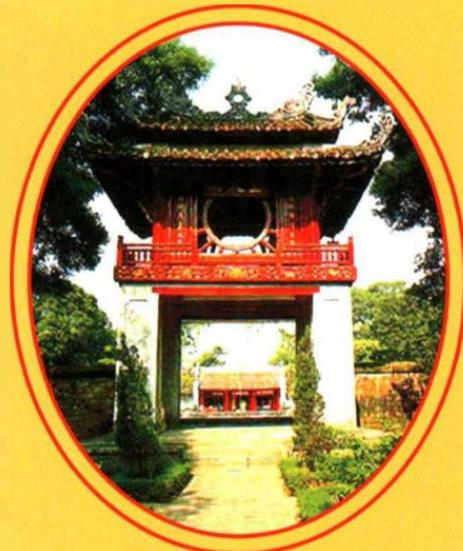
Sửa bản in: **ANH VŨ - LÊ - TOÀN**

---

In 800 cuốn, khổ 13x19cm tại: Xưởng in NXB Nông nghiệp.  
Số xuất bản: 412 - 942/28/CXB ngày 13/7/2010.  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2010.

# Bản Sắc Văn Hóa

VIỆT NAM



Nhà sách Minh Thanh  
808 ĐƯỜNG LÁNG - HÀ NỘI  
ĐT: 043.7755620 - 043.999771

2

BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM



8 935236 400404

Giá: 75.000đ